**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN**

**GIẢI QUYẾT CỦA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **TRANG** |
| **I** | **LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC** | **1** |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông. | 1 |
| 2 | Thủ tục Tuyển sinh trung học phổ thông | 3 |
| 3 | Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài | 6 |
| 4 | Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông về nước | 8 |
| 5 | Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông | 10 |
| 6 | Giải thể trường trung học phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông) | 12 |
| 7 | Cho phép trường trung học phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục. | 16 |
| 8 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông. | 19 |
| 9 | Cho phép trường trung học phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động trở lại. | 19 |
| 10 | Thủ tục xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học | 19 |
| **II** | **LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP** | **1** |
| 1 | Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 1 |
| 2 | Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 15 |
| 3 | Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 29 |
| 4 | Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 36 |
| 5 | Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 43 |
| 6 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp | 47 |
| 7 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp | 63 |
| 8 | Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận | 81 |
| 9 | Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 97 |
| 10 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp | 110 |
| 11 | Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài | 123 |
| 12 | Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài | 134 |
| 13 | Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 143 |
| 14 | Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 147 |
| 15 | Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận | 162 |
| 16 | Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn | 167 |
| 17 | Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp | 179 |
| 18 | Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh | 181 |
| 19 | Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh | 191 |
| 20 | Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh | 198 |
| 21 | Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập | 204 |
| 22 | Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập | 214 |
| 23 | Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập | 221 |
| 24 | Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục | 227 |
| 25 | Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị | 235 |
| 26 | Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục | 242 |
| 27 | Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục | 248 |
| 28 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 253 |
| 29 | Thủ tục công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục | 258 |
| **III** | **LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN** | **1** |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên | 1 |
| 2 | Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại. | 3 |
| 3 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên | 5 |
| 4 | Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên | 7 |
| 5 | Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên | 1 |
| 6 | Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại | 3 |
| 7 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập | 5 |
| 8 | Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập) | 7 |
| 9 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên | 1 |
| 10 | Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại | 3 |
| 11 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên | 5 |
| 12 | Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) | 7 |
| **IV** | LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC | 1 |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên | 1 |
| 2 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao | 3 |
| 3 | Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | 5 |
| 4 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục | 7 |
| 5 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại | 1 |
| 6 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên | 3 |
| 7 | Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) | 5 |
| 8 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | 7 |
| 9 | Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại. | 1 |
| 10 | Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục | 3 |
| 11 | Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại | 5 |
| 12 | Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao | 7 |
| 13 | Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) | 1 |
| 14 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật | 3 |
| 15 | Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục | 5 |
| 16 | Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại | 7 |
| 17 | Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật | 1 |
| 18 | Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) | 3 |
| 19 | Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông | 5 |
| 20 | Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | 7 |
| 21 | Thủ tục cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | 1 |
| **V** | **LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC** | **1** |
| 1 | Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục | 1 |
| 2 | Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục | 18 |
| 3 | Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục | 35 |
| 4 | Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên | 54 |
| **VI** | **LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN** | **1** |
| 1 | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia | 1 |
| 2 | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia | 18 |
| 3 | Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia | 34 |
| 4 | Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên | 53 |
| 5 | Đề nghị đánh giá công nhận “Cộng đồng học tập cấp huyện” | 61 |
| 6 | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài | 67 |
| 7 | Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên | 71 |
| 8 | Xét, cấp học bổng chính sách | 76 |
| 9 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục | 84 |
| 10 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số | 89 |
| 11 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh | 93 |
| 12 | Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người | 97 |
| 13 | Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. | 102 |
| 14 | Đề nghị đánh giá công nhận “Đơn vị học tập cấp tỉnh” | 118 |
| **VII** | **LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI** | **1** |
| 1 | Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam |  |
| 2 | Phê duyệt liên kết giáo dục |  |
| 3 | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục |  |
| 4 | Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết |  |
| 5 | Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  |
| 6 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  |
| 7 | Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  |
| 8 | Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  |
| 9 | Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  |
| 10 | Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  |
| 11 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 32 |
| 12 | Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 35 |
| **VIII** | **LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH** | **1** |
| 1 | Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin | 1 |
| 2 | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) | 3 |
| 3 | Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông | 6 |
| 4 | Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông | 8 |
| 5 | Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông | 12 |
| 6 | Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học | 13 |
| 7 | Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển | 19 |
| 8 | Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông |  |
| **IX** | **LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ** | **1** |
| 1 | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc | 1 |
| 2 | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ | 4 |
| 3 | Thủ tục công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam | 6 |

**Thủ tục hành chính cấp huyện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***I*** | **Lĩnh vực giáo dục mầm non** |  |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ |  |
| 2 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục |  |
| 3 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại |  |
| 4 | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ |  |
| 5 | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) |  |
| II | **Lĩnh vực giáo dục tiểu học** |  |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học. |  |
| 2 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục |  |
| **3** | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại |  |
| 4 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học |  |
| 5 | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) |  |
| 6 | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học |  |
| **III** | **Lĩnh vực giáo dục trung học** |  |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở |  |
| 2 | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục |  |
| 3 | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại |  |
| 4 | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở |  |
| 5 | Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) |  |
| 6 | Tuyển sinh trung học cơ sở |  |
| 7 | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở |  |
| 8 | Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở |  |
| **9** | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước |  |
| 10 | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài. |  |
| IV | **Lĩnh vực giáo dục thường xuyên** |  |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng |  |
| 2 | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại |  |
| 3 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng |  |
| 4 | Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) |  |
| v | **Lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác** |  |
| 1 | Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở |  |
| 2 | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá. |  |
| VI | **Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân** |  |
| 1 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận |  |
| 2 | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận |  |
| 3 | Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường trường tiểu học, trường trung học cơ sở. |  |
| 4 | Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập cấp huyện”. |  |
| 5 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cở sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn |  |
| 6 | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người |  |
| 7 | Xét, cấp học bổng chính sách |  |
| 8 | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài |  |
| 9 | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo |  |
| 10 | Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp |  |
| 11 | Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp |  |
| VII | **Lĩnh vực văn bằng chứng chỉ** |  |
| 1 | Thủ tục cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ sổ gốc |  |
| 2 | Thủ tục chỉnh sửa văn bằng chứng chỉ. |  |
| VIII | **Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp** |  |
| 1 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh |  |
| 2 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài |  |
| 3 | Hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương | Do UBND tỉnh quy định |

**Thủ tục hành chính cấp xã**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| I | **Lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác** |  |
| 1 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học |  |
| 2 | Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập |  |
| 3 | Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động giáo dục trở lại |  |
| 4 | Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập. |  |
| 5 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) |  |